TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **53/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2023
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm và ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44[a]/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Khổng Thị L, sinh năm 1992

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 9/2023 chị

Khổng Thị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khổng Thị L. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2020-2021 chị đưa hai con về nhà ngoại sống tại thôn P, xã Đ, huyện S, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016, các cháu hiện đang ở cùng chị. Chị L. có quan điểm sau khi ly hôn được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Hoàng Văn L1 trình bày: Anh và chị Khổng Thị L. kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng hiện sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Khổng Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016, các cháu hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn anh nhận nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị L. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Hoàng Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn L1 và chị Khổng Thị L. kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn B, xã C. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng 2-3 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Chị L. đưa hai con về nhà ngoại ở xã Đ, huyện S sống và học tập. Anh L1 đi làm ăn xa và thi thoảng vẫn về nhà tại thôn B, xã C. Khi đi làm anh L1 không báo chính quyền địa phương, có khai báo tạm trú tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên Cổng dịch vụ công quản lý cư trú của Bộ Công an nên địa phương không xác định được địa chỉ hiện tại của anh L1. Năm 2023, hộ gia đình anh L1 là hộ nghèo được Bộ Công an xây nhà tình nghĩa và bàn giao cho anh L1 vào tháng 5/2023. Hiện anh L1 vẫn đi về và ở trong căn nhà đó.

Anh Hoàng Văn L1 hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh L1 đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Khổng Thị L. được ly hôn với anh Hoàng Văn L1; về con chung: giao cháu là Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Khổng Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Khổng Thị L. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L1 và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Hoàng Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh L1 đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L1 nhưng anh L1 không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Khổng Thị L. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Hoàng Văn L1 vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ

chồng hiện sống ly thân, anh L1 không có mặt ở địa phương. Tháng 9/2023 chị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Khổng Thị L. được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

- Về con chung: Chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016.

Xét thấy, cháu Hoàng Thị Kim H. và Hoàng Hải Đ. là con chung của chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Mặc dù quá trình giải quyết anh L1 có quan điểm nhận nuôi các con chung nhưng ở địa phương gia đình anh L1 là hộ nghèo, anh L1 phải đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, cháu Hoàng Thị Kim H. có nguyện vọng được ở với mẹ, các cháu Huệ và Đăng hiện đang ở với chị L. và đang theo học tại trường tiểu học và trường THCS xã Đ, huyện S. Chị L. có quan điểm nhận nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Khổng Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị L. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Khổng Thị L. và anh Hoàng Văn L1 không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Khổng Thị L. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Khổng Thị L. được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Hải Đ, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Khổng Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Khổng Thị L. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002299 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Khổng Thị L. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã Đ. (Nơi ĐKKH);*
- *UBND xã C.;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến